

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁ VIỆT-TIỆP**
Trình đại hội cổ đông thường niên năm 2015

Căn cứ Điều 123 Chương IV Luật doanh nghiệp ngày 29/11/2005;
Căn cứ Điều 35 Chương X Điều lệ Công ty cổ phần Khoá Việt-Tiếp quy định quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Căn cứ Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên ngày 26/4/2014 phê duyệt các chỉ tiêu kinh tế xã hội và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014.

Ban kiểm soát báo cáo trước đại hội cổ đông thường niên năm 2015

với các nội dung sau:

* Năm 2014 Ban kiểm soát đã tiến hành họp 3 lần theo định kỳ. Nội dung chủ yếu: Xác định chương trình kiểm tra và giám sát từng thời điểm:

- Ngày 4/4/2014: Lên kế hoạch kiểm tra chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, chi nhánh Đà Nẵng tháng 4/2014.

- Ngày 15/4/2014 Đánh giá kết quả kiểm tra chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, chi nhánh Đà Nẵng tháng 4/2014; Thẩm tra Báo cáo tài chính 2013, thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát phục vụ Đại hội cổ đông năm 2014

- Ngày 31/12/2014 Thẩm định việc thực hiện một số quy chế quản lý nội bộ đã ban hành:

+ Quy chế tiền lương.

+ Quy chế bán hàng (Tiêu thụ sản phẩm và chính sách bán hàng).

+ Quy chế hoạt động của chi nhánh

Kiến nghị sửa đổi một số nội dung trong quy chế bán hàng, quy chế hoạt động của chi nhánh năm 2015.

Cử đại diện Ban kiểm soát tham gia họp định kỳ với Hội đồng quản trị.

*** Kết quả thực hiện giám sát:**

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.1. Tổng số các cuộc họp: 06 cuộc, trong đó: Họp định kỳ: 04 cuộc; họp bất thường và họp liên tịch với đảng uỷ: 02 cuộc.

- Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

- Các thành viên được mời họp đều có mặt tham dự đầy đủ không vắng mặt.

- Các vấn đề biểu quyết được ghi chép đầy đủ các thành viên dự họp đều ký tên vào biên bản.

1.2. Nội dung hội đồng quản trị đã quyết định chỉ tiêu cụ thể:

- Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm (báo cáo của Tổng Giám đốc).

- Xem xét thực trạng quản lý các chi nhánh: Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Chi nhánh TP.Đà Nẵng và Cần Thơ để ban hành sửa đổi các quy chế hoạt động.
- Cải tiến công tác quản lý.
- Quyết định các giải pháp về thị trường:
 - + Chỉ đạo hoạt động Marketing.
 - + Nghiên cứu chính sách bán hàng.
 - + Phát triển sản phẩm mới: cửa nhựa, cửa nhôm.
 - + Phát triển thị trường xuất khẩu.
- Về công tác đầu tư: Năm 2014 giá trị khoảng 10 tỷ đồng.
- Tổ chức công tác quản lý cán bộ: đã ban hành quy chế và tổ chức thực hiện quy hoạch, đào tạo và luân chuyển cán bộ.

2. Hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc:

2.1. Thực hiện triển khai công tác đầu tư theo Nghị quyết của HĐQT:

- Cải tiến công tác quản lý giảm lượng tồn đọng nâng cao hiệu quả đồng vốn.
- Đầu tư thiết bị, công nghệ đảm bảo đúng kế hoạch của Hội đồng quản trị, đặc biệt công nghệ sản xuất thân khóa, sơn tự động, đóng gói sản phẩm.
- Công tác đầu tư cho Xí nghiệp Việt Tiếp-Phúc Thịnh chưa đạt mục tiêu đề ra, đây là vấn đề chủ động, hợp lý cả quá trình đầu tư.
- Giảm giá thành sản phẩm quy đổi là 0,80%.

2.2. Kết quả các chỉ tiêu đại hội cổ đông đề ra: (Xác nhận theo báo cáo của Tổng Giám đốc).

- Giá trị SXCN: 522,9 tỷ đồng, so với Kế hoạch đạt 118,84%, so với năm 2013 đạt 118,97%.
- Tổng sản phẩm sản xuất đạt: 17,88 triệu sản phẩm (sản phẩm quy đổi); So với kế hoạch đạt 108,36%; So với năm 2013 đạt 113,09%.
- Tổng doanh thu đạt: 743,23 tỷ đồng; trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 721,8 tỷ đồng; so với kế hoạch đạt 109,3%; so với năm 2013 đạt 118,86%.
- Nộp ngân sách đạt: 38,499 tỷ đồng; so với năm 2013 đạt 108,14%.

3. Đối với các Chi nhánh:

- Tổ chức kiểm tra 02 lần trong năm.
- Kiểm tra công tác quản lý, bán hàng, chứng từ chi phí, thanh toán tiền lương ... về cơ bản các chi nhánh hoạt động đều bám theo Quy chế hoạt động của công ty ban hành, hàng hoá, tài sản được bảo toàn.
- Tuy nhiên còn một số tồn tại cần khắc phục về sự không phù hợp của một số chứng từ chi phí; cần chỉnh sửa một số điểm trong quy chế công ty và quy chế nội bộ áp dụng đối với từng chi nhánh.
- Đề nghị lãnh đạo công ty xem xét giải quyết một số kiến nghị từ các chi nhánh (có biên bản làm việc báo cáo lãnh đạo công ty).

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần khóa Việt - Tiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế IFC, Ban kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần khóa Việt - Tiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế IFC.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2014 về công tác hạch toán kế toán

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, Báo cáo tài chính của công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính, kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

Trích số liệu Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tiền: Triệu VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (01/01/2014)	Số cuối kỳ (31/12/2014)
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	266.851	280.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	70.237	98.550
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	15.965	13.103
IV. Hàng tồn kho	140	173.058	163.039
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	7.591	5.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	65.451	79.576
II. Tài sản cố định	220	60.019	70.033
V. Tài sản dài hạn khác	260	5.432	9.543
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	332.302	359.741
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	117.894	140.189
I. Nợ ngắn hạn	310	107.300	130.203
II. Nợ dài hạn	330	10.594	9.986
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	214.408	219.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	214.408	219.552
1. Vốn đầu t của chủ sở hữu	411	53.250	53.250
7. Quỹ đầu t phát triển	417	63.630	67.331
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	13.493	13.493
10. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420	84.035	85.478
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	332.302	359.741

Trích số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh:

Đơn vị tiền: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	606.973	721.860
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.223	219
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	604.750	721.641
4	Giá vốn hàng bán	11	520.911	617.332
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	83.839	104.309
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.286	1.618
7	Chi phí tài chính	22	2.742	2.762
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.741	2.761
8	Chi phí bán hàng	24	26.224	31.828
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.626	27.810
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	33.533	43.527
11	Thu nhập khác	31	17.775	20.086
12	Chi phí khác	32	1.408	692
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	16.367	19.394
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	49.900	62.921
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12.886	14.706
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-(51+52))	60	37.014	48.215

Căn cứ vào Trích số liệu Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty Cổ phần Khóa Việt - Tiệp, Ban kiểm soát tính toán và phân tích một số chỉ tiêu tài chính sau:

Đơn vị tiền: Triệu VNĐ.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Chênh lệch
A	Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn= $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ (100/310)	2,5	2,2	-0,3
2	Hệ số thanh toán nhanh= $\frac{(\text{Tiền, các khoản tương đương tiền} + \text{đầu tư ngắn hạn} + \text{phải thu ngắn hạn})}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ [(110+130)/310]	0,8	0,85	0,05
3	Khả năng thanh toán lãi vay= $\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Chi phí trả lãi vay}}$ [(50+23)/23]	19,2	23,79	4,59
B	Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính (cơ cấu vốn)			
1	Hệ số tự tài trợ= $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$ (400/440)	0,65	0,61	-0,004
2	Hệ số đòn bẩy tài chính= $\frac{\text{Tổng tài sản bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$ $\left\{ \frac{[(270\text{ĐN} + 270\text{CN})/2]}{[(400\text{ĐN} + 400\text{CN})/2]} \right\}$	1,55	1,59	0,04
3	Hệ số tài sản cố định= $\frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$ (220/400)	0,28	0,31	0,03
4	Hệ số thích ứng dài hạn= $\frac{\text{Tài sản dài hạn}}{(\text{Vốn chủ sở hữu} + \text{Nợ dài hạn})}$ [200/(400+330)]	0,29	0,35	0,06
5	Hệ số nợ= $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$ (300/400)	0,54	0,63	0,09
6	Tỷ số nợ trên tài sản= $\frac{(\text{Tổng nợ})}{(\text{Tổng tài sản})} * 100$ [(300/270)*100]	35,5	39	3,5
C	Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động			
1	Vòng quay tổng tài sản= $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$ $\left\{ \frac{10}{[(270\text{ĐN} + 270\text{CN})/2]} \right\}$	1,83	2,1	0,27
2	Vòng quay vốn lưu động= $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản ngắn hạn bình quân}}$ $\left\{ \frac{10}{[(100\text{ĐN} + 100\text{CN})/2]} \right\}$	2,26	2,64	0,38
3	Chu kỳ hàng tồn kho= $\frac{(\text{Hàng tồn kho bình quân} * 365)}{\text{Giá vốn hàng bán}}$ $\left\{ \frac{[(140\text{ĐN} + 140\text{CN})/2] * 365}{11} \right\}$	113	99	-14
4	Kỳ thu tiền bình quân= $\frac{(\text{Các khoản phải thu bình quân} * 365)}{\text{Doanh thu thuần}}$ $\left\{ \frac{[(130\text{ĐN} + 130\text{CN})/2] * 365}{10} \right\}$	11,6	7,4	-4,2
5	Thời gian thanh toán công nợ= $\frac{(\text{Các khoản phải trả bình quân} * 365)}{\text{Giá vốn hàng bán}}$ $\left\{ \frac{[(300\text{ĐN} + 300\text{CN})/2] * 365}{11} \right\}$	82,4	76	-6,4
D	Nhóm chỉ tiêu về tăng trưởng			
1	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu= $\frac{(\text{Doanh thu kỳ hiện tại} - \text{Doanh thu kỳ trước})}{\text{Doanh thu kỳ trước}} - 1$ [(10 kỳ này/10 kỳ trước)-1]	0,043	0,193	0,15
2	Tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận= $\frac{(\text{LNST kỳ này} - \text{LNST kỳ trước})}{\text{LNST kỳ trước}} - 1$ [(60 kỳ này/60 kỳ trước)-1]	-0,4	0,302	0,702
E	Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Tỷ suất lợi nhuận ròng= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$ (60/10)	0,061	0,067	0,006
2	Tỷ suất sinh lời của tài sản= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$ $\left\{ \frac{60}{[(270\text{ĐN} + 270\text{CN})/2]} \right\}$	0,112	0,139	0,027
3	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$ $\left\{ \frac{60}{[(400\text{ĐN} + 400\text{CN})/2]} \right\}$	0,17	0,22	0,05
4	Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn cổ phần thường}}$ (60/411)	0,69	0,91	0,22
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP thường}}$ (60/SL CP thường)	0,006951	0,009054	0,002103

A. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán ngắn hạn: Hệ số $=2,2 > 1$ (hệ số an toàn), Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ cho các cá nhân, tổ chức có quan hệ cho công ty vay hoặc nợ.

Hệ số này khá cao, khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là tốt, chu kỳ hoạt động của công ty hiệu quả, khả năng biến sản phẩm thành tiền mặt tốt. Các khoản phải thu thấp cùng thời gian thu hồi tiền mặt ngắn đảm bảo khả năng thanh khoản cao.

Tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn đều chuyển dịch theo xu hướng cùng tăng nhưng tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nhỏ hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn để hệ số trở về mức hợp lý hơn.

Khả năng thanh toán nhanh: Hệ số $=0,85 > 0,5$ (hệ số an toàn) : Lượng tiền và tương đương tiền của công ty khá cao sẵn sàng trả cho các khoản nợ ngắn hạn, khoản đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp không có nhưng thành phẩm tồn kho đang có nhu cầu lớn của khách hàng nên có thể bán ngay bất cứ lúc nào, khoản phải thu có thể bù trừ ngay được cho các khoản phải trả. Nợ ngắn hạn lớn nhưng chưa cần thanh toán ngay nên khả năng thanh toán nhanh của công ty là khá cao.

Hệ số khả năng thanh toán lãi vay: Hệ số $=23,79$ Rất cao, Thu nhập của doanh nghiệp cao đảm bảo khả năng trả lãi vay đúng hạn.

B. Nhóm chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính (cơ cấu vốn)

Hệ số tự tài trợ: Hệ số $=0,61 > 0,5$ (hệ số an toàn) bảo đảm cho doanh nghiệp độc lập về mặt tài chính. Khi có những biến động không thuận lợi trên thị trường thì ít tác động đến lợi nhuận, chi phí chi trả lãi vay thấp, công ty được tin cậy và dễ dàng hơn khi tìm kiếm các nguồn vốn từ bên ngoài.

Hệ số đòn bẩy tài chính $=1,59$, hệ số tài sản cố định $=0,31 < 1$, hệ số thích ứng dài hạn $0,35 < 1$ đều ở mức hợp lý: Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn, Tổng tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ trọng cao, công ty có thể chủ động nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, khi có biến động về lãi suất ngân hàng công ty ít gặp rủi ro hơn.

Hệ số nợ: Hệ số $=0,63 < 1$ Cho thấy giá trị Vốn chủ sở hữu lớn, điều đó có nghĩa là khả năng tài chính của công ty tốt, công ty có thể chủ động nguồn vốn để trả nợ, mức độ được bảo vệ của chủ nợ cao.

C. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động:

Vòng quay tổng tài sản $=2,1$, vòng quay vốn lưu động bình quân $=2,64$, chu kỳ hàng tồn kho 99 ngày phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh và chính sách hàng tồn kho của của công ty. Công ty có chính sách dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để chủ động cho quá trình sản xuất, dự trữ thành phẩm căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và chính sách chiết khấu của công ty trong từng giai đoạn. Tuy chu kỳ hàng tồn kho đã được rút ngắn nhưng cần lưu ý giảm tồn kho sản phẩm dở dang trên dây truyền sản xuất để rút ngắn hơn nữa đáp ứng nhanh thành phẩm cho khâu tiêu thụ.

Kỳ thu tiền bình quân của công ty ngắn, giảm từ 11,6 ngày xuống còn 7,4 ngày chứng tỏ công tác bán hàng và thu hồi công nợ tốt, do công ty có hệ thống khách hàng lâu năm, tin tưởng, nhu cầu đối với các sản phẩm khóa là lớn công ty đang áp dụng chính sách bán hàng quy định chủ yếu thanh toán ngay trong tháng, chính sách bán hàng, chiết khấu linh hoạt bám sát nhu cầu của khách hàng về chủng loại sản phẩm.

Thời hạn thanh toán công nợ: 76 ngày được kéo dài do khách hàng đầu vào của công ty gần bố lâu năm với công ty luôn tạo điều kiện hỗ trợ, chia sẻ với công ty.

D. Nhóm chỉ tiêu về tăng trưởng:

Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế sự cạnh tranh gay gắt của các hãng khóa khác trên thị trường bằng sự nỗ lực của HĐQT, Ban giám đốc và toàn thể người lao động, công ty đạt được mức tăng trưởng doanh thu 19,3%, lợi nhuận tăng trưởng 30,2% so với cùng kỳ năm trước.

E. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Trong điều kiện khó khăn của năm 2014 công ty đã đạt được:

Tỷ suất lợi nhuận ròng 0,067 đạt khá.

Tỷ suất sinh lời của tài sản(ROA): 0,139 đạt mức khá phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp trong việc tạo ra lợi nhuận

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): 0,22 đạt mức cao phản ánh hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu nhằm tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần thường đạt mức cao 0,91.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 0,009054 triệu đồng/ICP đạt mức cao đảm bảo cho việc chi trả cổ tức ở mức cao.

Như vậy hiệu quả sử dụng vốn nói chung và vốn chủ sở hữu nói riêng của công ty là rất tốt.

Nhận xét: Năm 2014 mặc dù chịu tác động do khó khăn chung của nền kinh tế, sự cạnh tranh gay gắt của các hãng khóa khác nhưng Công ty Cổ phần Khóa Việt -Tiệp đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Hội đồng quản trị đã đề ra. Mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cao, hiệu quả sử dụng vốn tốt, công tác đầu tư đúng hướng và mang lại hiệu quả, công tác quản lý ngày càng được nâng cao. Từng bước đưa công ty phát triển theo hướng bền vững. Tuy nhiên trong điều hành sản xuất cần phải tăng cường hơn nữa nhằm đáp ứng đủ lượng hàng cho nhu cầu của thị trường, tránh tình trạng thiếu hàng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

